

Số: /BC-TTBVTV

Gia Lai, ngày tháng 5 năm 2026

BÁO CÁO

Tình hình sinh vật gây hại cây trồng
(Từ ngày 06 tháng 5 đến ngày 12 tháng 5 năm 2026)

I. TÌNH HÌNH THỜI TIẾT VÀ CÂY TRỒNG

1. Thời tiết

Nhiệt độ trung bình: 30 - 32°C Cao nhất: 34 - 36°C Thấp nhất: 23 - 25°C
Độ ẩm trung bình: 65 - 70% Cao nhất: 80 - 85% Thấp nhất: 45 - 55%
Tổng lượng mưa: 5 mm
Tổng số giờ nắng: 51 giờ

Nhận xét: Tuần qua, khu vực tỉnh Gia Lai ngày nắng nóng, có mưa rào rải rác vài nơi. Gió Nam - Đông Nam cấp 2 - 3.

2. Cây trồng và giai đoạn sinh trưởng

TT	Cây trồng/vụ	Giai đoạn sinh trưởng	DT gieo trồng (ha)	DT thu hoạch (ha)
I	Cây lương thực		93.663	75.948
1	Cây lúa (vụ Đông Xuân)	Chín - thu hoạch	74.274	69.078
	Cây lúa (vụ Hè)	Đang gieo sạ	11.164	
2	Cây ngô (vụ Đông Xuân)	Bấp già - chín - thu hoạch	7.547	6.870
	Cây ngô (vụ Hè Thu)	Cây con	678	
II	Cây tinh bột có củ		18.821	2.745
1	Cây sắn (vụ Đông Xuân)	Phát triển thân lá - thu hoạch	15.620	150
2	Cây khoai lang (vụ Đông Xuân)	Nuôi củ - thu hoạch	3.201	2.595
III	Cây thực phẩm		28.924	26.268
1	Rau các loại (vụ Đông Xuân)	Nhiều giai đoạn	21.689	20.097
	Rau các loại (vụ Hè Thu)	Cây con	1.405	
2	Đậu các loại (vụ Đông Xuân)	Chắc hạt - thu hoạch	5.770	5.171

	Đậu các loại (vụ Hè Thu)	Cây con	60	
IV	Cây công nghiệp ngắn ngày		10.204	
1	Cây mía (Đông Xuân)	Cây con	8.946	
2	Cây lạc (vụ Hè Thu)	Cây con	748	
3	Cây mè (vụ Hè Thu)	Cây con	510	
V	Cây hàng năm khác (vụ Đông Xuân)	Nhiều giai đoạn	4.085	2.974
VI	Cây công nghiệp dài ngày		253.460	
1	Cây cà phê	Quả non	107.945	
2	Cây cao su	Các giai đoạn	85.917	
3	Cây điều	Quả non - Thu hoạch	41.232	
4	Cây dừa	Các giai đoạn	9.447	
5	Cây tiêu	Chăm sóc	8.601	
6	Cây chè	Các giai đoạn	318	
VII	Cây ăn quả		34.816	
1	Cây sầu riêng	Quả non	8.131	
2	Cây chanh dây	Các giai đoạn	6.221	
3	Cây chuối	Các giai đoạn	7.276	
4	Các loại cây ăn quả khác	Các giai đoạn	14.743	

3. Diện tích cây trồng bị ảnh hưởng của thiên tai: Trong kỳ, không có diện tích cây trồng bị ảnh hưởng của thiên tai.

II. TÌNH HÌNH SVGH CHỦ YẾU

1. Mật độ, tỷ lệ SVGH chủ yếu

TT	Tên SVGH	Mật độ sâu (c/m ²), tỷ lệ bệnh (%)			Tuổi sâu, cấp bệnh phổ biến	Phân bố
		Phổ biến	Cao	Cục bộ		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
I	Cây lúa					
1	Bọ trĩ (vụ Hè Thu)	7,5	15	-	Nhiều lúa tuổi	Hoài Nhơn Nam, Hoài Nhơn, Hoài Nhơn Bắc, Tam Quan,...
II	Cây rau					

1	Sâu xanh	5	10	-	Nhiều lứa tuổi	An Phú, Biền Hồ, Gào, Diên Hồng, Hội Phú, Pleiku, ...
2	Sâu tơ	10	20	-	Nhiều lứa tuổi	An Phú, Biền Hồ, Gào, Diên Hồng, Pleiku, Thống Nhất,...
3	Bọ trĩ	15	30	-	Nhiều lứa tuổi	An Phú, Gào, Diên Hồng, Hội Phú, Biền Hồ,...
4	Bệnh thán thư	6	10	-	C1-3	An Khê, Cửu An, Đăk Pơ, Kông Chro,...
III Cây mía						
1	Xén tóc đục gốc	5	10	-	C1-2	Ia Pa, Pờ Tó, Ia Tul, Phú Thiện,...
2	Bệnh trắng lá mía	15	25	-	C1-3	Ia Pa, Pờ Tó, Ia Tul, Phú Thiện, Chư A Thai, Ia Hiao,...
IV Cây sắn						
1	Nhện đỏ	10	20	-	C1-3	Ia Pa, Pờ Tó, Ia Tul, Phú Thiện, Chư A Thai, Ia Hiao,...
2	Khảm lá	2,5	5	-	C1-3	Pờ Tó, Ia Tul, Ia Pa, Phú Thiện, Chư A Thai, Ia Hiao,...
V Cây cà phê						
1	Rệp sáp	12,5	25	30	C1-2	Ia Hrun, Ia Krái, Ia Grai, Ia O, Ia Băng, Đak Đoa, Mang Yang, Lơ Pang, Biền Hồ,...
2	Rệp vảy	12,5	25	-	C1-2	Ia Hrun, Ia Krái, Ia Grai, Ia O, Ia Chín,...
3	Mọt đục cành	12,5	25	-	C1	Kon Gang, Đak Somei, Ia Băng, Mang Yang, Hra, Ia Phú, Ia Ly, Chư Păh,...
4	Bệnh gỉ sắt	15	30	35	C3-5	Ia Hrun, Ia Băng, Đak Đoa, Đak Somei, Mang Yang, Ia Grai, Ia Krái,...
VI Cây hồ tiêu						
1	Tuyến trùng	5	10	15	C1-2	Mang Yang, Kon Gang, Lơ Pang, Ia Băng, Đak Đoa, Hra,...
2	Bệnh chết chậm	5	10	15	C1-2	Mang Yang, Kon Gang, Đak Somei, Lơ Pang, Hra,...
3	Bệnh đốm đen lá	5	10	-	C1-3	Kon Gang, Ia Băng, Mang Yang, Lơ Pang,...

4	Bệnh thán thư	5	10	-	C1-3	Kon Gang, Dak Doa,...
5	Rệp sáp	10	20	-	C1-3	Rải rác các xã trồng hồ tiêu trên địa bàn tỉnh
VII Cây điều						
1	Sâu đục thân, cành	5	10	15	C1	Ia Nan, Ia Puch, Ia Dom, Ia Mo, Ia Krái, Ia Chía, Ia Dok, Ia O,...
2	Bọ xít muỗi	5	10	-	C1-2	Ia Krái, Ia Chía, Ia Grai, Ia O,...
3	Bệnh thán thư	5	10	-	C1-3	Ia Puch, Ia Dom, Ia Nan, Ia O, Ia Dok, Ia Krái,...
VIII Cây sầu riêng						
1	Bệnh cháy lá, chết đọt	5	10	-	C1-3	Chư Prông, Ia Tôr, Đức Cơ, Ia Krêl,...
2	Bệnh vàng lá	5	10	-	C1-3	Hra, Lơ Pang, Mang Yang,...
IX Cây chanh dây						
1	Bệnh virus hại lá, quả	5	10	-	C1-3	Chư Prông, Ia Tôr, Ia Boòng, Bàu Cạn,...
2	Bệnh đốm nâu	7,5	15	-	C1-2	Chư Prông, Ia Tôr, Ia Boòng, Bàu Cạn,...
X Cây dứa						
1	Sâu đầu đen	10	20	30	C1-3	Tam Quan, Hoài Nhơn Tây, Hoài Nhơn Bắc, Bồng Sơn, Hoài Nhơn Nam

2. Diện tích nhiễm SVGH chủ yếu

TT	Tên SVGH	Diện tích nhiễm (ha)				Tổng DTN (ha)	DT phòng trừ (ha)	Phân bố
		Nhẹ	TB	Nặng	MT			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
I Cây lúa								
1	Bọ trĩ (Hè Thu)	14	0	0	0	14	5,5	Hoài Nhơn Nam, Hoài Nhơn, Hoài Nhơn Bắc, Tam Quan,...
II Cây rau								
1	Sâu xanh	13,5	0	0	0	13,5	12	An Phú, Biển Hồ, Gào, Diên Hồng, Hội Phú,

								Pleiku, ...
2	Sâu tơ	24	0	0	0	24	20	An Phú, Biển Hồ, Gào, Diên Hồng, Pleiku, Thống Nhất,...
3	Bệnh thán thư	7	0	0	0	7	7	An Khê, Cửu An, Đăk Pơ, Kông Chro,...
III Cây mía								
1	Xén tóc đục gốc	20	0	0	0	20	0	Ia Pa, Pò Tó, Ia Tul, Phú Thiện,...
2	Bệnh trắng lá mía	18	0	0	0	18	0	Ia Pa, Pò Tó, Ia Tul, Phú Thiện, Chư A Thai, Ia Hiao,...
IV Cây sắn								
1	Nhện đỏ	30	0	0	0	30	0	Ia Pa, Pò Tó, Ia Tul, Phú Thiện, Chư A Thai, Ia Hiao,...
2	Khảm lá	53	0	0	0	53	0	Pò Tó, Ia Tul, Ia Pa, Phú Thiện, Chư A Thai, Ia Hiao,...
V Cây cà phê								
1	Rệp sáp	731	7	0	0	738	480	Ia Hrun, Ia Krái, Ia Grai, Ia O, Ia Băng, Đak Đoa, Mang Yang, Lơ Pang, Biển Hồ,...
2	Rệp vảy	271	0	0	0	271	167	Ia Hrun, Ia Krái, Ia Grai, Ia O, Ia Chín,...
3	Mọt đục cành	89	0	0	0	89	42	Kon Gang, Đak Somei, Ia Băng, Mang Giang, Hra, Ia Phí, Ia Ly, Chư Păh,...
4	Bệnh gỉ sắt	487	6	0	0	493	296	Ia Hrun, Ia Băng, Đak Đoa, Đak Somei, Mang Yang, Ia Grai, Ia Krái,...
VI Cây hồ tiêu								
1	Tuyến trùng	198	14	0	0	212	156	Mang Yang, Kon Gang, Lơ Pang, Ia Băng, Đak Đoa, Hra,...
2	Bệnh chết chậm	196	39	0	0	235	156	Mang Yang, Kon Gang, Đak Somei, Lơ Pang,

								Hra,...
3	Bệnh đốm đen lá	29	0	0	0	29	23	Kon Gang, Ia Bãng, Mang Yang, Lơ Pang,...
4	Bệnh thán thư	10,5	0	0	0	10,5	6	Kon Gang, Đak Đoa, Biền Hồ, Thống Nhất, Hội Phú,...
5	Rệp sáp	35	0	0	0	35	20,5	Rải rác các xã
VII Cây điều								
1	Sâu đục thân, cành	368	49	0	0	416,5	225	Ia Nan, Ia Puch, Ia Dom, Ia Mơ, Ia Krái, Ia Chía, Ia Dok, Ia O,...
2	Bọ xít muỗi	11	0	0	0	11	0	Ia Krái, Ia Chía, Ia Grai, Ia O,...
3	Bệnh thán thư	320	0	0	0	320	200	Ia Puch, Ia Dom, Ia Nan, Ia O, Ia Dok, Ia Krái,...
IX Cây sầu riêng								
1	Bệnh cháy lá, chết đọt	62	0	0	0	62	55	Chư Prông, Ia Tôr, Đúc Cơ, Ia Krêl,...
2	Bệnh vàng lá	8	0	0	0	8	4	Hra, Lơ Pang, Mang Yang,...
X Cây chanh dây								
1	Bệnh virus hại lá, quả	20	0	0	0	20	17	Chư Prông, Ia Tôr, Ia Boòng, Bàu Cạn,...
2	Bệnh đốm nâu	12	0	0	0	12	9	Chư Prông, Ia Tôr, Ia Boòng, Bàu Cạn,...

* **Thống kê diện tích nhiễm trong các đợt dịch:** Trong tuần, không có dịch.

3. Nhận xét tình hình SVGH trong kỳ

3.1. Trên cây lúa

Trên lúa vụ Hè Thu giai đoạn 1 - 3 lá - đẻ nhánh, bọ trĩ phát sinh gây hại 14, TL 7,5-15% ở các xã Hoài Nhơn Nam, Hoài Nhơn, Hoài Nhơn Bắc, Tam Quan,...

3.2. Trên cây rau

- Sâu xanh gây hại rau họ thập tự 13,5 ha (mật độ cục bộ 5 - 10 con/m²), giảm 4,5 ha so với kỳ trước, phân bố trên địa bàn các xã, phường: An Phú, Biền Hồ, Gào, Diên Hồng, Hội Phú, Pleiku,...

- Sâu tơ gây hại rau họ hoa thập tự, mật độ cục bộ 10 con/m², cao 20 con/m², DTN 24 ha (nhẹ), phân bố trên địa bàn các xã, phường: An Phú, Biền Hồ, Gào, Diên Hồng, Pleiku, Thống Nhất,...

- Bệnh thán thư phát sinh gây hại trên họ cà (ớt) 7 ha tỷ lệ (TL 6 - 10%), phân bố trên địa bàn các xã: An Khê, Cửu An, Đăk Pơ, Kông Chro,...

Ngoài ra, bọ nhảy, héo xanh vi khuẩn, bệnh đốm lá phát sinh gây hại cục bộ.

3.3. Trên cây mía

- Xén tóc đục gốc mía lưu gốc giai đoạn cây con, TL hại phổ biến 5%, cao 10%, DTN 20 ha (nhẹ), tương đương so với kỳ trước, phân bố chủ yếu trên địa bàn các xã: Ia Pa, Pờ Tó, Ia Tul, Phú Thiện,...

- Bệnh trắng lá gây hại 18 ha (TL cục bộ 15 - 25%) trên diện tích cũ ở các xã: Ia Pa, Pờ Tó, Ia Tul, Phú Thiện, Chư A Thai, Ia Hiao,...

3.4. Trên cây sắn

- Nhện đỏ gây hại sắn giai đoạn cây phát triển thân, lá, TL hại phổ biến 10% - cao 20%, diện tích nhiễm 30 ha, tăng 2 ha so với kỳ trước, phân bố chủ yếu trên địa bàn các xã: Ia Pa, Pờ Tó, Ia Tul, Phú Thiện, Chư A Thai, Ia Hiao,...

- Bệnh khảm lá virus gây hại 53 ha (nhiễm nhẹ), tỷ lệ bệnh 2,5 - 5%, ở các xã: Pờ Tó, Ia Tul, Ia Pa, Phú Thiện, Chư A Thai, Ia Hiao,...

3.5. Trên cây cà phê

- Rệp sáp gây hại 738 ha, TL hại phổ biến 12,5%, cao 30%, giảm 17 ha so với kỳ trước, phân bố rải rác trên toàn bộ diện tích cà phê của tỉnh.

- Rệp vảy gây hại 271 ha (TL cục bộ 12,5 - 25%), giảm 6 ha so với kỳ trước tập trung ở các xã: Ia Hrung, Ia Krái, Ia Grai, Ia O, Ia Chín,...

- Mọt đục cành gây hại chủ yếu trên diện tích cà phê kiến thiết cơ bản, DTN 89 ha (TL cục bộ 12,5 - 25%), giảm 6 ha so với kỳ trước, phân bố trên địa bàn các xã: Kon Gang, Đak Somei, Ia Băng, Mang Giang, Hra, Ia Phí, Ia Ly, Chư Păh,...

- Bệnh gỉ sắt gây hại 493 ha (TL cục bộ 15 - 35%), tăng 4,5 ha so với kỳ trước, ở các xã: Ia Hrung, Ia Băng, Đak Đoa, Đak Somei, Mang Yang, Ia Grai, Ia Krái,...

3.6. Trên cây hồ tiêu

- Tuyến trùng gây hại 212 ha (TL 5 - 10%, cục bộ 15%), giảm 39 ha so với kỳ trước, phân bố trên địa bàn các xã: Mang Yang, Kon Gang, Lơ Pang, Ia Băng, Đak Đoa, Hra,...

- Bệnh vàng lá chết chậm gây hại 235 ha (TLB 5 - 10%, cục bộ 15%), tương đương so với kỳ trước, phân bố trên địa bàn các xã: Mang Yang, Kon Gang, Đak Somei, Lơ Pang, Hra,...

- Rệp sáp gây hại rải rác 35 ha TL 10 - 20%), tăng 5 ha so với kỳ trước, trên các địa bàn xã trồng hồ tiêu trên địa bàn tỉnh, tỷ lệ bệnh phổ biến 10%, cao 20%.

Ngoài ra, bệnh đốm đen lá, thán thư gây hại rải rác trên tiêu giai đoạn chín ở xã: Kon Gang, Ia Băng, Mang Yang, Lơ Pang, Đak Đoa,...

3.7. Trên cây điều

- Sâu đục thân, cành (TL phổ biến 5 - 10%, cục bộ 15%), DTN 416,5 ha (nhiễm nhẹ 368 ha, trung bình 49 ha), giảm 8 ha so với kỳ trước, phân bố trên địa bàn các xã: Ia Nan,

Ia Puch, Ia Dom, Ia Mơ, Ia Krái, Ia Chia, Ia Dok, Ia O,...

- Bọ xít muỗi hại lá (TL phổ biến 5 - 10%), DTN 11 ha (nhiễm nhẹ), giảm 1 ha so với kỳ trước, phân bố trên địa bàn các xã: Ia Krái, Ia Chia, Ia Grai, Ia O,...

- Bệnh thán thư tỷ lệ bệnh phổ biến 5 - 10%, DTN 320 ha (nhiễm nhẹ), giảm 8 ha so với kỳ trước, phân bố trên địa bàn các xã: Ia Puch, Ia Dom, Ia Nan, Ia O, Ia Dok, Ia Krái,...

3.8. Trên cây ăn quả

- Cây sầu riêng: Bệnh cháy lá chết ngọn gây hại 62 ha (nhẹ), vàng lá, thán thư lá, ... gây hại cục bộ trên địa bàn các xã: Chư Prông, Ia Tôr, Đức Cơ, Ia Krêl,...

- Cây chanh dây: Bệnh virus, đốm nâu gây hại trái, ngọn và lá cục bộ trên diện tích cũ ở xã Chư Prông, Ia Tôr, Ia Boòng, Bàu Cạn,...

3.9. Trên cây dứa

- Sâu đầu đen phát sinh gây hại 18 ha, TL hại phổ biến 10%, cục bộ 30%, gây hại rải rác trên ở địa bàn các phường: Tam Quan, Hoài Nhơn Tây, Hoài Nhơn Bắc, Bồng Sơn, Hoài Nhơn Nam

III. DỰ BÁO SVGH VÀ ĐỀ XUẤT BIỆN PHÁP CHỈ ĐẠO PHÒNG TRỪ

1. Dự báo SVGH chủ yếu trong kỳ tới

- Trên cây lúa: Bọ trĩ phát sinh gây hại cục bộ lúa vụ Hè Thu giai đoạn 3 lá - đẻ nhánh; Chuột, sâu cuốn lá nhỏ, sâu đục thân, ... phát sinh gây hại cục bộ lúa vụ Hè Thu giai đoạn đẻ nhánh.

- Cây lạc: Bệnh lở cổ rễ, sâu ăn lá, ... phát sinh gây hại cục bộ trên lạc giai đoạn cây con.

- Cây ngô: Sâu xám, sâu cắn lá, ... phát sinh gây hại cục bộ trên ngô giai đoạn cây con - 7 lá.

- Trên cây rau: Sâu xanh, sâu tơ, bọ nhảy tiếp tục gây hại trên họ hoa thập tự; bệnh thán thư (trên cây ớt), héo xanh vi khuẩn (trên cà chua) gây hại trên họ cà; bệnh sương mai, bệnh phấn trắng trên cây con phát sinh gây hại trên họ bầu bí.

- Trên cây mía: Xén tóc, bệnh trắng lá tiếp tục gây hại cục bộ mía giai đoạn cây con.

- Trên cây sắn: Bệnh khảm lá virus tiếp tục gây hại, nhện đỏ phát sinh gây hại cục bộ trên sắn giai đoạn phát triển thân, lá.

- Trên cây cà phê: Rệp sáp, rệp vảy, mọt đục cành, bệnh gỉ sắt tiếp tục gây hại cục bộ cà phê giai đoạn quả non ở khu vực phía Tây tỉnh.

- Trên cây hồ tiêu: Tuyên trùng, rệp sáp, bệnh vàng lá chết chậm gây hại rải rác hồ tiêu giai đoạn phục hồi sau thu hoạch ở khu vực phía Tây tỉnh.

- Trên cây ăn quả: Bệnh cháy lá chết ngọn, bệnh vàng lá tiếp tục gây hại sầu riêng; bệnh virus hại lá, ngọn và quả, bệnh đốm nâu tiếp tục gây hại trên chanh dây.

2. Đề xuất biện pháp chỉ đạo phòng trừ SVGH chủ yếu trong kỳ tới

Nhằm nâng cao hiệu quả trong công tác phòng trừ các loại sâu, bệnh hại cây trồng trên địa bàn tỉnh, Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật đề nghị UBND các xã, phường chỉ đạo các Trung tâm Dịch vụ sự nghiệp công, bố trí công chức bám sát đồng ruộng, tăng

cường công tác điều tra, phát hiện dự tính, dự báo; tổ chức đoàn thể tuyên truyền, hướng dẫn phòng trừ sinh vật hại trên một số loại cây trồng như sau:

2.1. Trên cây lúa vụ Hè Thu

- Đối với bọ trĩ, sâu cuốn lá nhỏ: Sử dụng một trong các loại thuốc có hoạt chất như: Alpha-cypermethrin (như thuốc: Fastac 5EC, Vifast 5EC, 10SC, Antaphos 50EC, Motox 5EC,...), hoạt chất Emamectin benzoate (như thuốc Eagle 50WG, Actimax 50WG,...) theo liều lượng hướng dẫn trên bao bì.

- Đối với sâu đục thân bướm 2 chấm: Sử dụng một trong các loại thuốc có hoạt chất như: Carbosulfan (min 93%) như thuốc: Marshal 5GR, Vifu-super 5GR,..., hoạt chất cartap (min 97%) như thuốc Dantac 50GR, Patox 4GR,... theo liều lượng hướng dẫn trên bao bì.

2.2. Trên cây rau, cây trồng cạn

- Tiếp tục ứng dụng biện pháp quản lý dịch hại tổng hợp IPM, quản lý sức khỏe cây trồng tổng hợp IPHM, quy trình sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP, sản xuất rau hữu cơ.

- Sử dụng chế phẩm sinh học: *Bacillus thuringiensis* (Bt), nấm trắng (*Beauveria bassiana*) để diệt trừ sâu xanh, sâu tơ; trường hợp mật độ sâu xanh >10 con/m², sâu tơ, bọ nhảy >20 con/m² sử dụng hoạt chất: Abamectin, Emamectin benzoate,... để phòng trừ.

- Đối với bệnh lở cổ rễ cây con: Phun một trong loại thuốc có hoạt chất: Polyoxin B, Propineb,... ngay khi bệnh mới phát sinh.

- Đối với bệnh đốm lá, gỉ sắt: Phun một trong loại thuốc có hoạt chất Azoxystrobin, Propiconazole, Fenoxanil,... Bệnh thán thư: Phun một trong loại thuốc có hoạt chất Boscalid, Pyraclostrobin, Chlorothalonil,...

2.3. Trên cây cà phê

- Thường xuyên vặt chồi thân, tỉa cành tăm hương, cành mọc ngược, cành vượt nhằm hạn chế sự phát sinh của rệp và nấm bệnh gây hại giúp cây sinh trưởng tốt.

- Đối với những diện tích đất chuẩn bị trồng tái canh cần thiết kê lô, đào hố, cày sâu, phơi ải đất trước khi trồng mới.

- Đối với rệp sáp: Sử dụng nấm trắng (*Beauveria*) hoặc nhóm thuốc có hoạt chất Abamectin, Azadirachtin,... để phòng trừ. Trường hợp vườn cây có tỷ lệ hại cao, sử dụng thuốc chứa hoạt chất hoặc hỗn hợp các hoạt chất như: Pirimicarb (min 95%), Permethrin 100g/l + Profenofos 400g/l, Profenofos 100g/l + Thiamethoxam 147g/l,... để phòng trừ.

- Tiến hành phun trừ bệnh gỉ sắt bằng các loại hoạt chất Hexaconazole, Propiconazole, Mancozeb (min 85%),... nhằm tránh lây lan ra diện rộng làm ảnh hưởng đến sự sinh trưởng của cây và tăng trưởng quả non.

2.4. Trên cây điều

- Cắt tỉa cành khô, sâu bệnh, cành vô hiệu để cây thông thoáng, tập trung dinh dưỡng, giúp ánh sáng vào tán cây.

- Phun thuốc có hoạt chất Permethrin, Cypermethrin, Dimethoate hoặc sinh học (Nấm xanh/trắng) để phòng trừ bọ xít muỗi; sử dụng hoạt chất Abamectin 50 g/l + Matrine 5 g/l để phòng trừ sâu đục thân.

- Bệnh thán thư: Sử dụng một trong các hoạt chất sau để phun: Difenoconazole (min 94%), Hexaconazole (min 85%), Chlorothalonil (min 98%), Copper Hydroxide (min Cu 57.3%),...

2.5. Trên cây hồ tiêu

- Vệ sinh vườn cây bằng cách: Thu gom và tiêu hủy tàn dư thực vật như lá rụng, cành gãy để tránh lây lan nấm bệnh.

- Sử dụng đồng đồ (như Norshield 86.2WG) để phun trừ nấm, khuẩn, rêu, địa y và phục hồi cây sau thu hoạch. Nên phun vào sáng sớm hoặc chiều mát, tránh nắng gắt.

- Tưới nước kết hợp với phủ gốc để giảm bốc hơi nước, giữ ẩm cho vườn cây.

- Trong mùa khô, rễ hoạt động chậm, nên cần chọn dạng phân dễ tiêu như humic hoặc amino acid để cây phục hồi nhanh. Tránh bón phân quá nhiều vì cây có thể bị sốc, vàng lá, cháy lá và chồi non.

Chú ý theo dõi và phòng trừ kịp thời các đối tượng sâu, bệnh như: Rệp sáp, tuyến trùng hại rễ, bệnh chết nhanh, vàng lá chết chậm.

- Đối với tuyến trùng hại rễ, sử dụng thuốc hóa học có hoạt chất *Clinopitolite* hoặc *Fluazaindolizine* (min 96.1%); *Fluensulfone* (min 95%),... để phòng trừ.

- Đối với bệnh chết nhanh, chết chậm sử dụng một trong các loại thuốc có hoạt chất Azoxystrobin 282g/l + Metalaxyl-M 108g/l, Bronopol (min 99%) để phòng trừ.

2.6. Trên các loại cây ăn quả

Hướng dẫn người dân áp dụng đồng bộ quy trình sản xuất theo chuẩn VietGAP, GlobalGAP, Organic, Quản lý sức khỏe cây trồng tổng hợp (IPHM), sử dụng phân bón hữu cơ, sử dụng thuốc bảo vệ thực vật có nguồn gốc sinh học,... giúp bảo vệ môi trường và nâng cao chất lượng sản phẩm.

- Trên cây chanh dây:

+ Nhóm bệnh virus và côn trùng môi giới (*rệp muỗi, bọ phấn, bọ trĩ*): Sử dụng treo bẫy dính vàng để dự tính, dự báo sớm sự xuất hiện của các môi giới truyền virus; sử dụng thuốc bảo vệ thực vật có chứa các hoạt chất Spirotetramat, Abamectin, Azadirachtin,... để phòng trừ.

+ Nhóm bệnh hại do nấm (*bệnh đốm nâu, đốm vòng, bệnh thán thư*): Phòng trừ khi bệnh mới chớm xuất hiện bằng các loại hoạt chất như: Tebuconazole, Mancozeb, Azoxystrobin,... khuyến cáo người dân luân phiên thuốc để tránh hiện tượng kháng thuốc.

- Trên cây sầu riêng:

+ Tưới nước đủ ẩm cho vườn cây; sử dụng phân bón lá: phun phân có hàm lượng lân và kali cao như MKP, KNO₃, hoặc NPK 10-60-10 theo liều khuyến cáo trên bao bì để lá

sớm thành thực, ít cạnh tranh dinh dưỡng với hoa và quả non; bổ sung Canxi, Bo bằng cách phun qua lá nhằm hạn chế rụng quả non. Phun vào sáng sớm hoặc chiều mát, tránh nắng gắt gây cháy lá và quả non.

+ Tăng cường sử dụng phân hữu cơ hoai mục kết hợp nấm đối kháng *Trichoderma* đồng thời sử dụng các loại thuốc có chứa hoạt chất Mancozeb, Fosetyl-aluminium, Phosphorous để phòng trừ bệnh thối rễ, nứt thân xì mũ.

- **Trên cây dứa:** Áp dụng đồng bộ các biện pháp để phòng trừ sâu đầu đen hại dứa:

+ Biện pháp canh tác: Cắt tỉa tàu lá hoặc lá chết của cây dứa bị sâu gây hại, thu gom và tiêu hủy bằng cách đốt hoặc ngâm trong nước nhằm làm giảm mật số sâu hại; hạn chế vận chuyển cây dứa giống, các cây ký chủ phụ (cau, chà là,...) và trái dứa bị nhiễm sâu đầu đen sang các vùng khác để hạn chế lây lan.

+ Biện pháp sinh học: Sử dụng thuốc trừ sâu sinh học hoạt chất: *Bacillus thuringiensis* (B); bảo tồn các loài thiên địch có sẵn trong tự nhiên như: kiến vàng, bọ xít bắt môi, ong ký sinh,...

+ Biện pháp hóa học: Khi phát hiện sâu đầu đen gây hại, cần cắt tỉa tiêu hủy tàu lá trước khi phun thuốc BVTV nhằm giảm mật số sâu hại, tăng khả năng tiếp xúc sâu non và tăng hiệu quả của thuốc. Sử dụng một trong hai hoạt chất: Spinetoram và Flubendiamide (đối với vườn dứa trồng xen trong vườn nhà); sử dụng một trong các loại thuốc trừ sâu có hoạt chất Emamectin benzoate, Lufenuron, Spirotetramat (đối với vườn dứa sản xuất thông thường, xa khu dân cư).

Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật kính báo cáo Sở Nông nghiệp và Môi trường theo dõi, chỉ đạo./.

Nơi nhận:

- Sở Nông nghiệp và Môi trường (b/c);
- Cục TT và BVTV (b/c);
- Trung tâm TT và BVTV Miền Trung (b/c);
- Chi cục trưởng (b/c);
- Các Phó Chi cục trưởng;
- Các Trung tâm Dịch vụ sự nghiệp công cấp xã;
- Trang Thông tin điện tử Chi cục;
- Lưu: VT, BVTV.

**KT. CHI CỤC TRƯỞNG
PHÓ CHI CỤC TRƯỞNG**

Kiều Văn Cang

Phụ lục

TỔNG HỢP DIỆN TÍCH NHIỆM SVGH CHỦ YẾU TRÊN CÂY TRỒNG CHỦ LỰC TRONG KỲ

(Ban hành kèm theo Báo cáo số /BC-TTBVTV ngày /5/2026 của Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật tỉnh Gia Lai)

TT	Tên SVGH	Diện tích nhiễm (ha)				Tổng DTN (ha)	So sánh DTN (+/-)		DT phòng trừ (ha)	Phân bố
		Nhẹ	TB	Nặng	MT		Kỳ trước	CKNT		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
I	Cây lúa									
1	Bọ trĩ (Hè Thu)	14	0	0	0	14	14		12	Hoài Nhơn Nam, Hoài Nhơn, Hoài Nhơn Bắc, Tam Quan,...
II	Cây rau									
1	Sâu xanh	13,5	0	0	0	13,5	-4,5		12	An Phú, Biển Hồ, Gào, Diên Hồng, Hộ Phú, Pleiku,...
2	Sâu tơ	24	0	0	0	24	3		20	An Phú, Biển Hồ, Gào, Diên Hồng, Pleiku, Thống Nhất,...
3	Bệnh thán thư	7	0	0	0	7	-3		7	An Khê, Cửu An, Đăk Pơ, Kông Chro,...
III	Cây mía									
1	Xén tóc đục gốc	20	0	0	0	20	0		0	Ia Pa, Pờ Tó, Ia Tul, Phú Thiện,...
2	Bệnh trắng lá mía	18	0	0	0	18	0		0	Ia Pa, Pờ Tó, Ia Tul, Phú Thiện, Chư A Thai, Ia Hiao,...
IV	Cây sắn									
1	Nhện đỏ	30	0	0	0	30	2		0	Ia Pa, Pờ Tó, Ia Tul, Phú Thiện, Chư A Thai, Ia Hiao,...

TT	Tên SVGH	Diện tích nhiễm (ha)				Tổng DTN	So sánh DTN (+/-)		DT phòng trừ (ha)	Phân bố
2	Khảm lá	53	0	0	0	53	0		0	Pờ Tô, Ia Tul, Ia Pa, Phú Thiện, Chư A Thai, Ia Hiao,...
V	Cây cà phê									
1	Rệp sáp	731	7	0	0	738	-17		508	Ia Hrun, Ia Krái, Ia Grai, Ia O, Ia Bãng, Đak Đoa, Mang Yang, Lơ Pang, Biễn Hồ,...
2	Rệp vảy	271	0	0	0	271	-6		167	Ia Hrun, Ia Krái, Ia Grai, Ia O, Ia Chín,...
3	Mọt đục cành	89	0	0	0	89	-6		42	Kon Gang, Đak Somei, Ia Bãng, Mang Giang, Hra, Ia Phí, Ia Ly, Chư Păh,...
4	Bệnh gỉ sắt	487	6	0	0	493	4		296	Ia Hrun, Ia Bãng, Đak Đoa, Đak Somei, Mang Yang, Ia Grai, Ia Krái,...
VI	Cây hồ tiêu									
1	Tuyến trùng	198	14	0	0	212	-39		156	Mang Yang, Kon Gang, Lơ Pang, Ia Bãng, Đak Đoa, Hra,...
2	Bệnh chết chậm	196	39	0	0	235	1		156	Mang Yang, Kon Gang, Đak Somei, Lơ Pang, Hra,...
3	Bệnh đốm đen lá	29	0	0	0	29	-1,5		23	Kon Gang, Ia Bãng, Mang Yang, Lơ Pang,...
4	Bệnh thán thư	10,5	0	0	0	10,5	1		6	Kon Gang, Đak Đoa, Biễn Hồ, Thống Nhất, Hội Phú,...
5	Rệp sáp	35	0	0	0	35	5		20,5	Rải rác các xã
VII	Cây điều									

TT	Tên SVGH	Diện tích nhiễm (ha)				Tổng DTN	So sánh DTN (+/-)		DT phòng trừ (ha)	Phân bố
1	Sâu đục thân, cành	368	49	0	0	416,5	-8		225	Ia Nan, Ia Puch, Ia Dom, Ia Mơ, Ia Krái, Ia Chía, Ia Dok, Ia O,...
2	Bọ xít muỗi	11	0	0	0	11	-1		0	Ia Krái, Ia Chía, Ia Grai, Ia O,...
3	Bệnh thán thư	320	0	0	0	320	-8		200	Ia Puch, Ia Dom, Ia Nan, Ia O, Ia Dok, Ia Krái,...
VIII Cây sầu riêng										
1	Bệnh cháy lá, chết đọt	62	0	0	0	62	2		55	Chư Prông, Ia Tôr, Đức Cơ, Ia Krêl,...
2	Bệnh vàng lá	8	0	0	0	8	0		4	Hra, Lơ Pang, Mang Yang,...
IX Cây chanh dây										
1	Bệnh virus hại lá, quả	20	0	0	0	20	-3		17	Chư Prông, Ia Tôr, Ia Boòng, Bàu Cạn,...
2	Bệnh đốm nâu	12	0	0	0	12	2		9	Chư Prông, Ia Tôr, Ia Boòng, Bàu Cạn,...
X Cây dứa										
1	Sâu đầu đen	13	5	0	0	18	1		18	Tam Quan, Hoài Nhơn Tây, Hoài Nhơn Bắc, Bồng Sơn, Hoài Nhơn, Hoài Nhơn Nam